



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

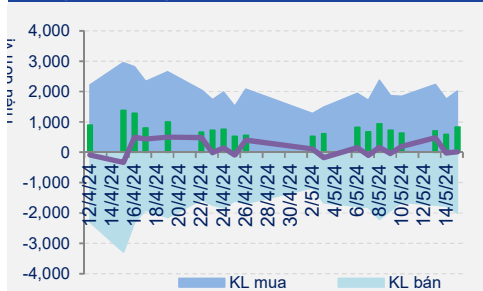
15/5/2024

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

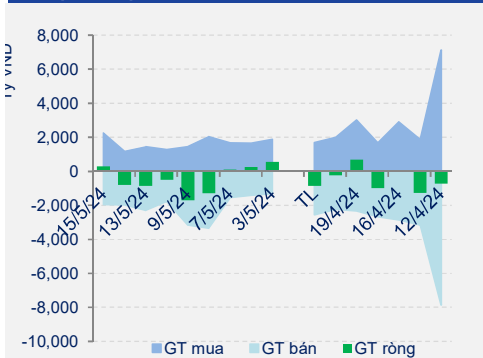
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,254.39	238.78
% Thay đổi	↑ 0.89%	↑ 0.77%
KLGD (CP)	825,952,325	118,528,415
GTGD (tỷ đồng)	22,105.02	2,239.96
Tổng cung (CP)	2,004,587,970	186,713,500
Tổng cầu (CP)	2,015,819,930	161,429,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	55,433,807	1,302,150
KL mua (CP)	67,558,984	3,762,631
GT mua (tỷ đồng)	2,245.02	99.09
GT bán (tỷ đồng)	1,950.38	30.27
GT ròng (tỷ đồng)	294.65	68.82

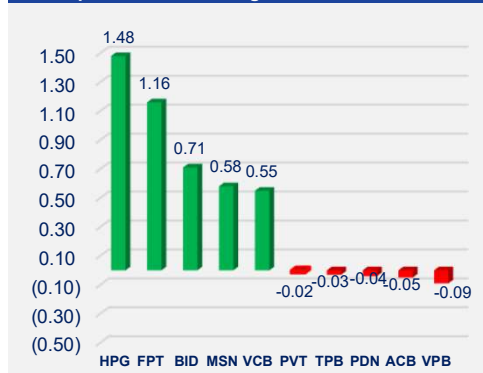
## Tương quan cung cầu



## Giá trị Giao dịch NĐTNN



## Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên tăng điểm kết thúc xu hướng điều chỉnh 03 phiên liên tiếp, VN-INDEX trong phiên hôm nay tiếp tục có diễn biến tích cực, đầu phiên tăng điểm vượt lên vùng 1.245 điểm tương ứng giá cao nhất tháng 08/2023 với thanh khoản cải thiện mạnh, đã tăng duy trì tốt đến cuối phiên. Kết phiên VN-INDEX tăng tốt 11,11 điểm (+0,89%) lên mức 1.254,39 điểm, vượt lên đường kháng cự kỹ thuật mạnh khi nối đường xu hướng giảm giá ngắn hạn các đỉnh giá cao nhất các ngày 29/03/2024 và 15/04/2024, tiếp tục kỳ vọng vượt lên giá cao nhất năm 2023 để hướng đến kiểm tra lại vùng giá 1.280 điểm, giá cao nhất trong phiên giảm mạnh ngày 15/04/2024. HNX-INDEX tích cực có 10 phiên liên tiếp tăng điểm lên mức 238,78 điểm (+0,77%). Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch tích cực khi có 396 mã tăng (22 mã tăng trần), 209 mã giảm giá (03 mã giảm sàn) và 140 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết gia tăng mạnh 42,95% so với phiên trước lên 24.334,91 tỷ đồng được giao dịch, quay trở lại mức trung bình. Cho thấy thị trường phục hồi tốt với độ rộng và lực cầu giá lên ngắn hạn gia tăng khi VN-INDEX vượt mốc tâm lý 1.250 điểm. Khối ngoại sau bán ròng mạnh đã mua ròng trở lại trong phiên hôm nay trên sàn HOSE với giá trị 294,63 tỷ đồng, góp phần ảnh hưởng tích cực lên thị trường; mua ròng trở lại trên HNX với giá trị 68,82 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận các thông tin: Theo Cục Thống kê Lao động Mỹ, PPI tháng 4/2024 tăng 0,5%, cao hơn ước tính của Dow Jones là 0,3%. Tuy nhiên, số liệu của tháng 3 được điều chỉnh từ mức tăng 0,2% ban đầu thành giảm 0,1%. Mỹ vừa công bố mức thuế mới, trong đó Mỹ sẽ tăng gấp 4 lần mức thuế nhập khẩu với xe điện từ Trung Quốc, từ 25% lên 100%. Thuế nhập khẩu pin mặt trời của Trung Quốc vào Mỹ sẽ tăng gấp đôi từ 25% lên 50%. Thuế một số mặt hàng như thép và nhôm nhập khẩu từ nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới cũng tăng hơn 3 lần, từ 7,5% của hiện tại lên 25%. Tăng hơn gấp 3 lần mức thuế đối với pin lithium dành cho xe điện và dùng cho các mục đích khác nhập khẩu từ Trung Quốc.

Thị trường hồi phục mạnh với thanh khoản tăng mạnh là động lực tăng giá mạnh cho nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính chứng khoán trong phiên nay khi nhiều mã tăng giá mạnh hết biên độ, thanh khoản gia tăng mạnh như FTS (+7,02%), CTS (+6,96%), BVS (+4,97%), MBS (+3,46%)... ngoài APS (-2,94%) giảm điểm. Nhóm cổ phiếu thép dưới ảnh hưởng mua ròng tốt của khối ngoại cũng có diễn biến tăng giá nổi bật, thanh khoản đột biến với HPG (+3,31%), VGS (+4,32%), NKG (+1,87%)...

Nhóm cổ phiếu công nghệ, viễn thông tiếp tục có diễn biến tăng giá vượt trội, nhiều mã tiếp tục tăng giá mạnh, thanh khoản đột biến như CTR (+6,96%), VGI (+6,16%), VTK (+4,36%), VTP (+3,92%), FPT (+2,76%)... Nhóm cổ phiếu xuất khẩu, dệt may... cũng có diễn biến tăng giá mạnh trước những thông tin tích cực, thanh khoản tăng mạnh như TNG (+9,87%), GIL (+5,46%), VGT (+3,97%), STK (+3,53%), VCS (+6,02%)... Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng đa số biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản dưới mức trung bình với LPB (+2,49%), VAB (+2,08%), STB (+2,02%)... NVB (-1,08%), VBB (-0,84%), TPB (-0,28%)...

Các nhóm ngành khác cũng có nhiều mã có diễn biến rất nổi bật như vận tải dầu khí với VIP (+6,8%), vận tải biển VOS (+6,9%), xây dựng với DPG (+6,9%), bao bì TTP (+14,9%), bất động sản với TIG (+9,92%), NHA (+6,82%)...

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2405 tăng 11,7 điểm (+0,92%), chênh lệch âm gia tăng lên -3,87 điểm so với VN30 khi kỳ hạn VN30F2405 sẽ đáo hạn trong phiên ngày mai. Thị trường đang dần dịch chuyển sang kỳ hạn VN30F2406. Xu hướng ngắn hạn VN30F2405 tích cực khi tăng điểm lên lại giá cao nhất phiên 15/04/2024, tương ứng 1.287 điểm, vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.270 điểm - 1.275 điểm. Các kỳ hạn VN30F2406, VN30F2409 duy trì mức chiết khấu nhẹ cho thấy các trader đang nghiêng về khả năng VN30 sẽ điều chỉnh nhẹ trong phiên đáo hạn kỳ hạn VN30F2405.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**


Thị trường tăng điểm từ đầu phiên và duy trì đà tăng tới cuối phiên mặc dù áp lực bán có gia tăng. Đóng cửa Vn-Index tăng 11,11 điểm (+0,89%) lên 1.254,39 điểm, vượt qua mốc tâm lý 1.250 điểm.

Trong ngắn hạn, thị trường hiện đang giao dịch tại vùng kháng cự quan trọng quanh 1.250 điểm (đường kháng cự kỹ thuật mạnh nối đường xu hướng giảm giá ngắn hạn các đỉnh giá cao nhất các ngày 29/03/2024 và 15/04/2024) và phiên tăng điểm với thanh khoản tăng hôm nay cho tín hiệu tích cực. Nếu tiếp tục duy trì giao dịch trên vùng 1.250 điểm trong các phiên tới, khả năng VN-Index có thể hướng tới các vùng giá cao hơn, gần nhất là vùng 1.270 điểm và xa hơn là quanh 1.300 điểm. Tuy vậy vẫn chưa thể loại trừ khả năng trong kịch bản kém tích cực, VN-Index sẽ có thể điều chỉnh về các vùng giá thấp hơn.

Xu hướng trung hạn của chỉ số duy trì dao động trong vùng tích lũy với kênh 1.150 điểm - 1.250 điểm /1.300 điểm và diễn biến này dự báo sẽ có thể kéo dài.

Vn-Index diễn biến tích cực khi vượt qua 1.250 điểm, nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân trong phiên hôm nay như chúng tôi khuyến nghị nắm giữ danh mục và hạn chế mua đuổi trong các phiên kế tiếp. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và nên chờ nhịp điều chỉnh nếu muốn giải ngân thêm do mặt bằng giá hiện tại không còn quá hấp dẫn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

15/5/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	63.40	47-51	66-68	52	10.8	115.2%	370.4%	Theo dõi giải ngân
DPR	40.7	34.5-36.5	43-44	35	17.3	3.8%	-5.2%	Theo dõi giải ngân
CTD	68.2	59-62	78-80	57	35.8	-9.2%	265.9%	Theo dõi giải ngân
FPT	134.1	110-114	134-136	100	25.1	20.6%	20.4%	Theo dõi giải ngân
DCM	36.2	33-34	38.5-39	32	15.7	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
MSH	50.3	46.5-48	57-58	44	14.5	20.9%	51.0%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/4/2024	LHG	34.75	32	38-39	33	8.6%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	34.70	32.2	37-38	32	7.8%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	17.10	14.2	18-18.5	16.4	20.4%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	40.70	36.8	43-44	39	10.6%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	30.25	28.75	32-33	29	5.2%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	134.10	114.2	134-136	128	17.4%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ**

**Giá vàng miếng đảo chiều tăng, NHNN tiếp tục đấu thầu ngày 16/05, giảm giá tham chiếu về 87.5 triệu đồng/lượng**

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) sẽ tổ chức phiên đấu thầu vàng miếng SJC tiếp theo vào ngày 16/05/2024 với giá tham chiếu để tính giá đặt cọc là 87.5 triệu đồng/lượng. Khối lượng vàng miếng SJC dự kiến đấu thầu vẫn là 16,800 lượng, và thành viên tham gia đấu giá phải đặt cọc 10% giá trị khối lượng đăng ký. Sau 3 phiên đấu thầu thành công, NHNN đã cung ứng ra thị trường 14,900 lượng vàng miếng SJC. Vẫn như các lần trước, sau mỗi phiên đấu thầu thành công, giá vàng miếng SJC trong nước lại bật tăng. Cập nhật sáng ngày 15/05/2024, giá vàng SJC tăng nhẹ trở lại 87.5 - 80 triệu đồng/lượng ở chiều mua - bán sau các phiên giảm cuối tuần. Giá vàng thế giới phục hồi vào ngày 14/05, được hỗ trợ bởi đà suy yếu của USD và lợi suất trái phiếu Mỹ sau khi dữ liệu cho thấy giá sản xuất PPI tại Mỹ tăng mạnh hơn dự báo trong tháng 4 và lạm phát vẫn ở mức cao.

**Ngân hàng Nhà nước tăng quy mô can thiệp "ghìm cương" tỷ giá**

Theo Theo Khối thị trường tài chính của ACB, Tỷ giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng ổn định trong ngày thứ 3 liên tiếp dù nhu cầu ngoại tệ trên thị trường cao vượt trội. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục cung ứng thêm 309 triệu USD cho các thành viên trên liên ngân hàng với tần suất và quy mô can thiệp ngày một tăng nhanh. Lãi suất chào bình quân liên ngân hàng VND giảm 0,01 - 0,02 điểm% ở các kỳ hạn ngắn trong khi đi ngang ở kỳ hạn 1 tháng so với phiên đầu tuần. Trên thị trường thế giới, đồng USD giảm nhẹ gần 0,2% sau khi dữ liệu giá thành sản xuất tại Mỹ bất ngờ tăng trong tháng 4, cho thấy lạm phát vẫn được giữ ở mức cao thời điểm đầu quý 2.

**Giá heo hơi gần chạm mốc 70.000 đồng một kg**

Giá heo hơi đang tăng mạnh tại chợ đầu mối Hóc Môn, TP HCM, với mỗi kg lên 68.500 đồng, tăng 26% so với cùng kỳ năm ngoái. Ở miền Bắc, mỗi kg heo hơi tăng thêm 2.000 đồng so với hôm qua, lên 66.000 - 67.000 đồng một kg. Tại miền Trung và Tây Nguyên, giá cũng tăng lên 62.000 - 65.000 đồng một kg. Lượng heo về chợ giảm vài trăm con so với hồi đầu năm. Giá heo hơi tăng gần đây phù hợp với quy luật thị trường, vì sau một thời gian dài giảm xuống mức hơn 50.000 đồng một kg, nhiều người chăn nuôi lâm vào cảnh khó khăn, không có lãi. Tuy nhiên, giá heo hơi lên 65.000 đồng là mức hợp lý để người chăn nuôi có lãi.

**Chủ tịch Powell: Lạm phát giảm chậm hơn dự kiến, buộc Fed phải giữ nguyên lãi suất**

Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell đã tuyên bố rằng lạm phát đang giảm chậm hơn dự kiến và ngân hàng trung ương này sẽ buộc phải "án binh bất động" trong thời gian dài hơn. Tuy nhiên, bình luận mới của ông Powell không khiến thị trường chứng khoán Mỹ lao dốc nhưng vẫn làm nhiều nhà đầu tư băn khoăn về định hướng chính sách của Fed. Ông Powell lưu ý xu hướng thiếu phát triển diễn ra nhanh chóng vào năm 2023 đã chậm lại đáng kể trong năm 2024. Ông cho biết bản thân ông không dự đoán Fed sẽ tăng lãi suất và nhiều khả năng Fed sẽ giữ lãi suất chính sách ở mức hiện tại. Ngân hàng trung ương Mỹ đã giữ lãi suất chuẩn trong phạm vi 5,25 - 5,5% kể từ tháng 7 năm ngoái. Đây là mức lãi suất cao nhất trong gần 23 năm.

**TIN DOANH NGHIỆP****Chứng khoán Rồng Việt tiếp tục phát hành 800 tỷ đồng trái phiếu**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt vừa công bố phát hành lô trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thứ hai trong năm 2024, với tổng giá trị 800 tỷ đồng và lãi suất cố định 8,0%/ năm. Đợt phát hành trái phiếu có mã VDSH2425002, mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 01 năm và lãi suất cố định 8,0%/năm. Rồng Việt dự kiến chào bán 8.000 trái phiếu cho đối tượng là nhà đầu tư cá nhân hoặc tổ chức đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và dự kiến thu về 800 tỷ đồng từ đợt phát hành này. Nguồn vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để cơ cấu lại các khoản nợ theo quy định, bao gồm thanh toán tiền gốc trái phiếu đến hạn hoặc mua lại trước hạn, thanh toán một phần hoặc toàn bộ nợ vay ngân hàng.

**ACV tìm nhà thầu cung cấp nhiên liệu Jet A1 hơn 127 tỷ**

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) đang lựa chọn nhà thầu thực hiện Gói thầu số 17a Cung cấp nhiên liệu Jet A1 để phục vụ công tác súc rửa và ngâm thử nghiệm hệ thống cung cấp nhiên liệu thuộc Dự án Mở rộng sân đỗ máy bay và hệ thống tiếp nhiên liệu khu vực Nhà ga hành khách T2. Gói thầu số 17a có giá 127,191 tỷ đồng và dự kiến đóng thầu vào ngày 21/05/2024. Quy định tại Điều 18 Nghị định 24/2024/NĐ-CP yêu cầu nhà thầu tham dự phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 3 lần giá trị yêu cầu đối với nhà thầu khác trong thời hạn 2 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi vi phạm theo quy định.

**Foxconn bứt phá lợi nhuận quý I nhờ nhu cầu AI tăng cao**

Foxconn, nhà sản xuất linh kiện điện tử theo hợp đồng lớn nhất thế giới của Đài Loan (Trung Quốc), ghi nhận lợi nhuận ròng quý 1/ 2024 tăng mạnh 72% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 22,01 tỷ Đài tệ (tương đương 679 triệu USD), đánh dấu quý thứ ba liên tiếp lợi nhuận tăng trưởng, củng cố vị thế dẫn đầu của công ty trong ngành công nghiệp điện tử. CEO Foxconn, ông Young Liu, cho rằng động lực chính đằng sau sự tăng trưởng này là nhu cầu mạnh mẽ đối với Trí Tuệ Nhân Tạo tạo sinh (AI generative), một lĩnh vực công nghệ đang bùng nổ trong những năm gần đây. Công ty đang đặt ra tham vọng lớn hơn, vươn xa hơn lĩnh vực lắp ráp thiết bị điện tử và đầu tư mạnh mẽ vào thị trường công nghệ AI, với mục tiêu trở thành "nhà cung cấp nền tảng tinh huống toàn diện."

**NLG rời khỏi rổ chỉ số MSCI Frontier Markets**

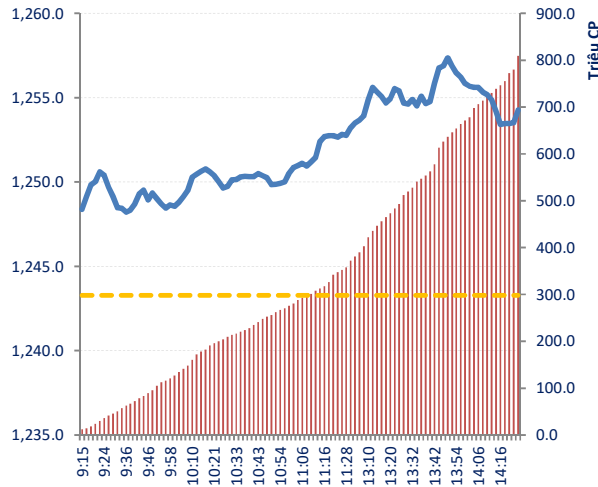
Trong kỳ cơ cấu quý II, MSCI đã thêm mới 9 mã vào rổ MSCI Frontier Markets Indexes, ngược lại 5 mã bị loại. Với riêng thị trường Việt Nam, NLG bị loại, không có mã nào được thêm mới. Sau kết quả cơ cấu, rổ chỉ số tăng số lượng thành phần lên thành 213 mã. Danh mục MSCI Frontier Markets Indexes tập trung vào nhóm tài chính, bất động sản, tiêu dùng, vật liệu, năng lượng, công nghiệp. Cổ phiếu Việt Nam duy trì tỷ trọng lớn nhất với 28,6%. Các thay đổi sẽ có hiệu lực từ 3/6 và kết quả cơ cấu danh mục quý III của các chỉ số thuộc MSCI sẽ được công bố vào 13/8, theo giờ Việt Nam.



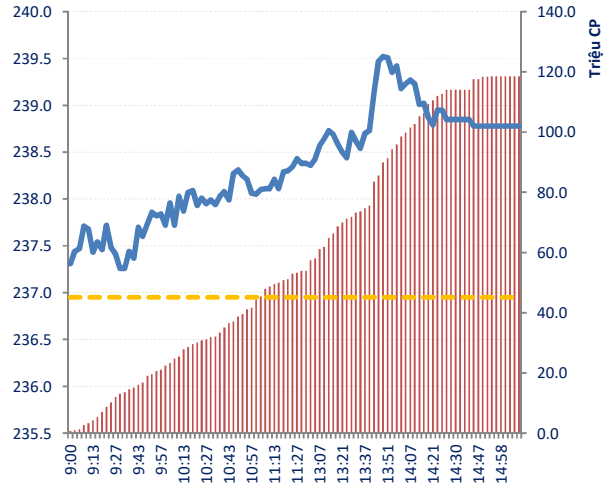


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

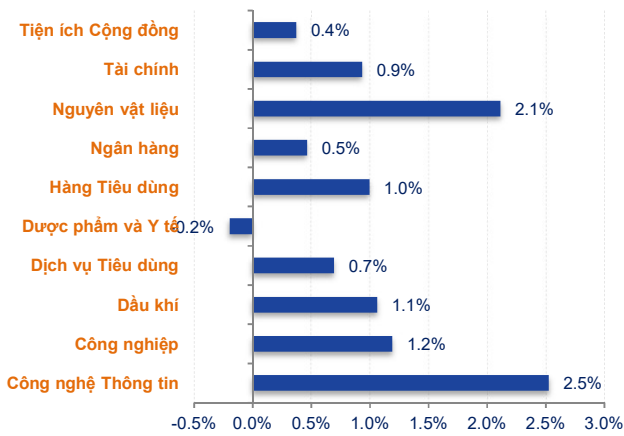
#### KLGD và VN-Index trong phiên



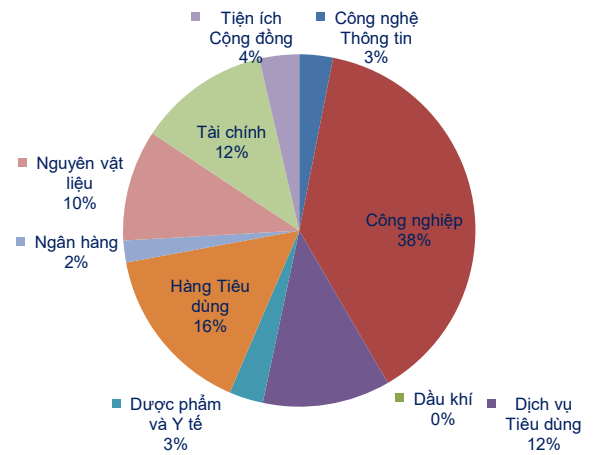
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



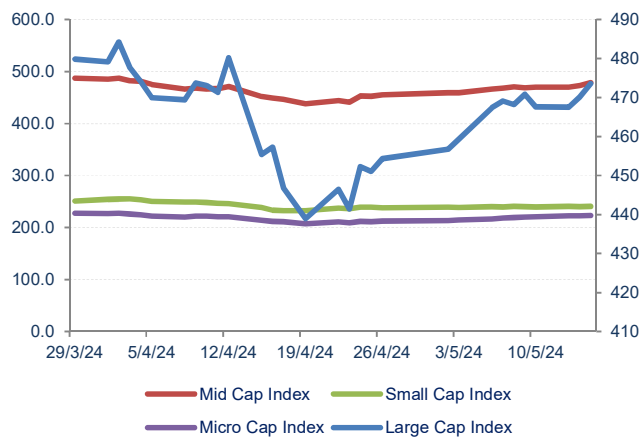
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



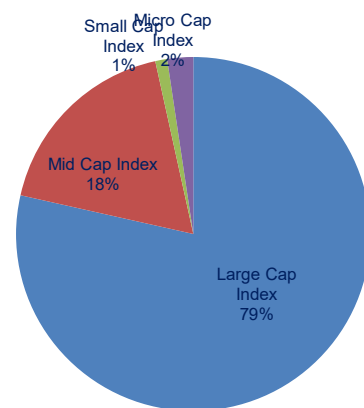
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	5,688,914	CTG	4,299,900	1	CEO	721,300	PVS	100,768
2	NVL	5,566,623	VHM	3,548,834	2	MBS	608,300	IDJ	90,500
3	MWG	4,438,031	POW	1,527,200	3	TIG	522,900	BVS	76,700
4	APG	3,736,900	VRE	1,270,597	4	IDC	392,200	API	66,500
5	DCM	1,676,200	KBC	1,069,450	5	LAS	171,700	HUT	47,700

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	30.20	31.20	↑ 3.31%	45,635,336	SHS	19.20	19.40	↑ 1.04%	22,611,868
LPB	20.10	20.60	↑ 2.49%	36,834,800	CEO	18.40	18.90	↑ 2.72%	11,112,722
NVL	13.80	14.20	↑ 2.90%	28,340,200	TIG	13.10	14.40	↑ 9.92%	9,128,484
VIX	17.50	17.85	↑ 2.00%	27,980,800	TNG	22.30	24.50	↑ 9.87%	8,630,679
SHB	11.60	11.60	⇒ 0.00%	23,545,100	MBS	28.90	29.90	↑ 3.46%	7,823,065

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DXV	6.59	7.05	0.46	↑ 6.98%	TIG	13.10	14.40	1.30	↑ 9.92%
CTS	39.50	42.25	2.75	↑ 6.96%	TNG	22.30	24.50	2.20	↑ 9.87%
VPH	7.47	7.99	0.52	↑ 6.96%	API	5.10	5.60	0.50	↑ 9.80%
CTR	126.50	135.30	8.80	↑ 6.96%	KSV	28.90	31.70	2.80	↑ 9.69%
HVH	6.21	6.64	0.43	↑ 6.92%	CX8	8.40	9.20	0.80	↑ 9.52%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FTS	59.50	45.10	-14.40	↓ -24.20%	ARM	28.40	25.60	-2.80	↓ -9.86%
VNS	13.10	11.50	-1.60	↓ -12.21%	CAG	10.30	9.30	-1.00	↓ -9.71%
FUCTVGF4	14.00	13.00	-1.00	↓ -7.14%	NSH	6.70	6.10	-0.60	↓ -8.96%
CLW	42.35	39.40	-2.95	↓ -6.97%	HMH	13.80	12.60	-1.20	↓ -8.70%
FUCTVGF3	14.50	13.50	-1.00	↓ -6.90%	SGD	11.70	10.70	-1.00	↓ -8.55%

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	45,635,336	9.2%	1,601	18.9	1.7
LPB	36,834,800	21.6%	2,914	6.9	1.4
NVL	28,340,200	1.4%	315	43.7	0.6
VIX	27,980,800	12.8%	1,670	10.5	1.3
SHB	23,545,100	15.6%	2,152	5.4	0.8

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	22,611,868	5.7%	688	27.9	1.5
CEO	11,112,722	2.8%	365	50.5	1.5
TIG	9,128,484	10.3%	1,386	9.5	1.0
TNG	8,630,679	12.5%	1,981	11.3	1.4
MBS	7,823,065	13.0%	1,475	19.6	2.4

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DXV	↑ 7.0%	-8.0%	(847)	-	0.6
CTS	↑ 7.0%	13.6%	1,857	21.3	2.7
VPH	↑ 7.0%	-0.5%	(49)	-	0.7
CTR	↑ 7.0%	28.4%	4,582	27.6	7.6
HVH	↑ 6.9%	3.9%	468	13.3	0.5

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TIG	↑ 9.9%	10.3%	1,386	9.5	1.0
TNG	↑ 9.9%	12.5%	1,981	11.3	1.4
API	↑ 9.8%	-6.9%	(772)	-	0.5
KSV	↑ 9.7%	4.1%	591	48.9	1.9
CX8	↑ 9.5%	1.2%	128	65.9	0.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	5,688,914	9.2%	1,601	18.9	1.7
NVL	5,566,623	1.4%	315	43.7	0.6
MWG	4,438,031	4.4%	717	83.8	3.4
APG	3,736,900	6.1%	691	20.9	1.3
DCM	1,676,200	12.0%	2,313	14.9	1.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	721,300	2.8%	365	50.5	1.5
MBS	608,300	13.0%	1,475	19.6	2.4
TIG	522,900	10.3%	1,386	9.5	1.0
IDC	392,200	31.7%	5,880	10.7	3.2
LAS	171,700	12.0%	1,487	14.4	1.6

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	506,372	20.0%	5,838	15.5	2.9
BID	274,191	18.1%	3,841	12.5	2.1
VIC	176,080	6.1%	2,307	20.0	1.1
HPG	175,607	9.2%	1,601	18.9	1.7
VHM	174,828	12.1%	5,074	7.9	0.9

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	20,856	31.7%	5,880	10.7	3.2
PVS	20,792	7.1%	1,992	21.8	1.5
SHS	15,613	5.7%	688	27.9	1.5
HUT	15,530	0.7%	97	178.9	1.4
THD	13,783	2.5%	395	90.7	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CCL	2.27	8.9%	1,014	8.1	0.7
DC4	2.19	16.4%	2,022	5.3	0.8
PSH	2.13	-9.6%	(1,295)	-	0.5
TCD	2.10	1.7%	230	30.8	0.5
TVB	2.05	10.4%	924	8.8	0.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

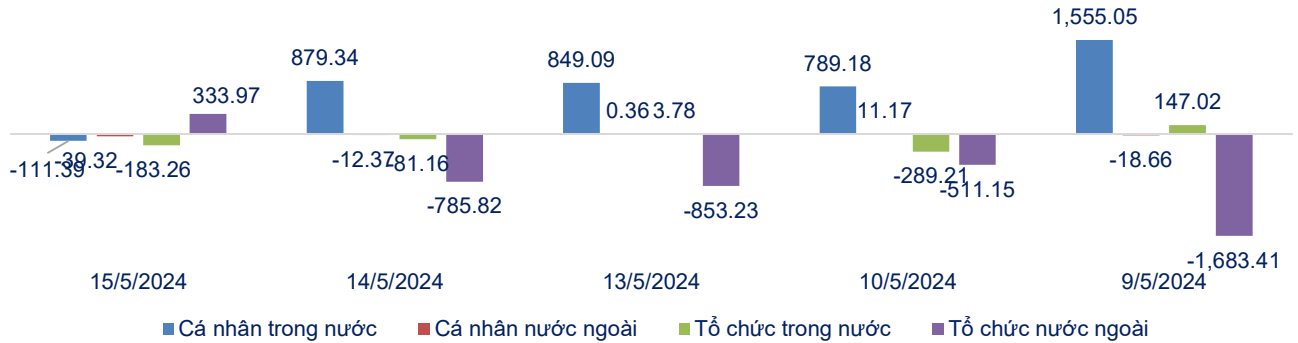
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	3.28	9.2%	1,214	18.8	1.8
IDJ	2.76	5.0%	584	10.4	0.5
DDG	2.69	-29.5%	(3,011)	-	0.5
CET	2.60	-0.4%	(42)	-	0.7
PHN	2.51	39.6%	8,294	10.2	3.7





THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	153.66	5.8%	708	19.1	1.1
CTG	130.19	16.2%	3,751	8.6	1.3
VHM	128.68	12.1%	5,074	7.9	0.9
MSB	54.39	14.9%	2,310	6.1	0.9
HAH	53.72	10.3%	2,978	13.9	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-262.37	4.4%	717	83.8	3.4
HPG	-188.41	9.2%	1,601	18.9	1.7
VNM	-85.68	26.0%	4,410	15.1	3.9
DCM	-82.67	12.0%	2,313	14.9	1.8
APG	-52.30	6.1%	691	20.9	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PTB	4.18	11.5%	4,700	14.9	1.7
PDR	2.62	7.8%	1,022	24.8	2.0
NKG	2.48	5.9%	1,222	19.7	1.1
MWG	1.68	4.4%	717	83.8	3.4
CMG	1.60	10.0%	1,717	36.3	3.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-8.42	15.6%	2,057	10.1	1.5
FRT	-6.60	-17.1%	(2,215)	-	12.4
VNM	-6.00	26.0%	4,410	15.1	3.9
PC1	-4.84	2.8%	651	41.2	1.1
HDG	-3.81	8.8%	2,061	13.1	1.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	47.54	9.0%	1,147	15.4	1.3
VNM	33.96	26.0%	4,410	15.1	3.9
KBC	26.11	4.9%	1,274	23.7	1.1
DCM	23.09	12.0%	2,313	14.9	1.8
FUESSVFL	20.17	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	-160.71	5.8%	708	19.1	1.1
FPT	-63.13	22.8%	5,338	24.4	5.2
HAH	-57.67	10.3%	2,978	13.9	1.3
MSB	-55.30	14.9%	2,310	6.1	0.9
BWE	-37.47	14.6%	3,680	12.4	1.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	269.97	4.4%	717	83.8	3.4
HPG	178.21	9.2%	1,601	18.9	1.7
NVL	77.72	1.4%	315	43.7	0.6
DCM	60.63	12.0%	2,313	14.9	1.8
VNM	57.72	26.0%	4,410	15.1	3.9

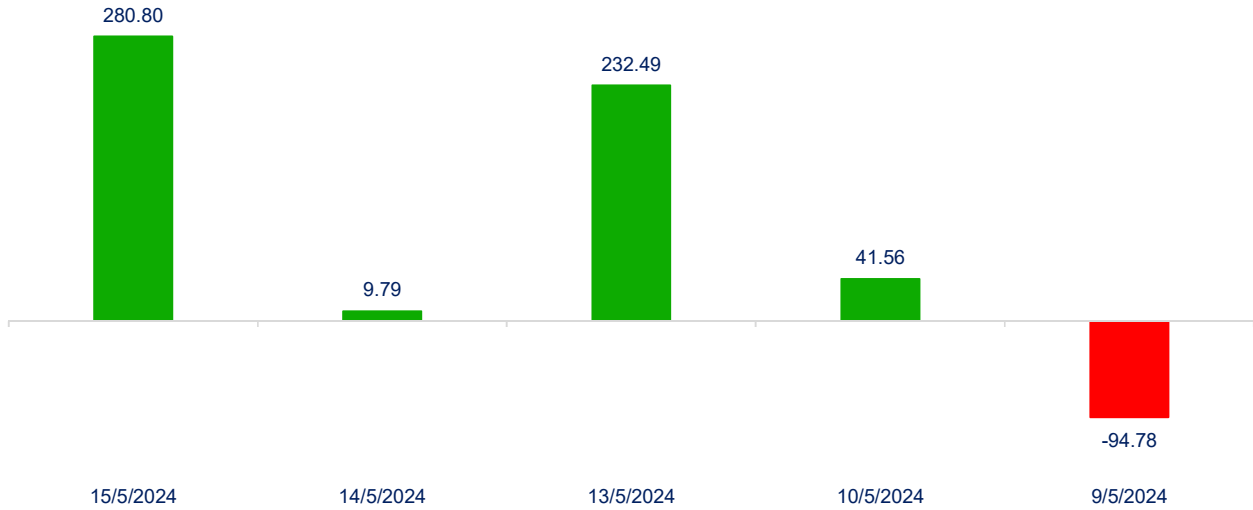
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-143.12	12.1%	5,074	7.9	0.9
CTG	-137.79	16.2%	3,751	8.6	1.3
CMG	-49.92	10.0%	1,717	36.3	3.5
MSN	-44.59	0.8%	215	328.4	2.2
VCI	-40.71	8.2%	1,411	33.8	2.5

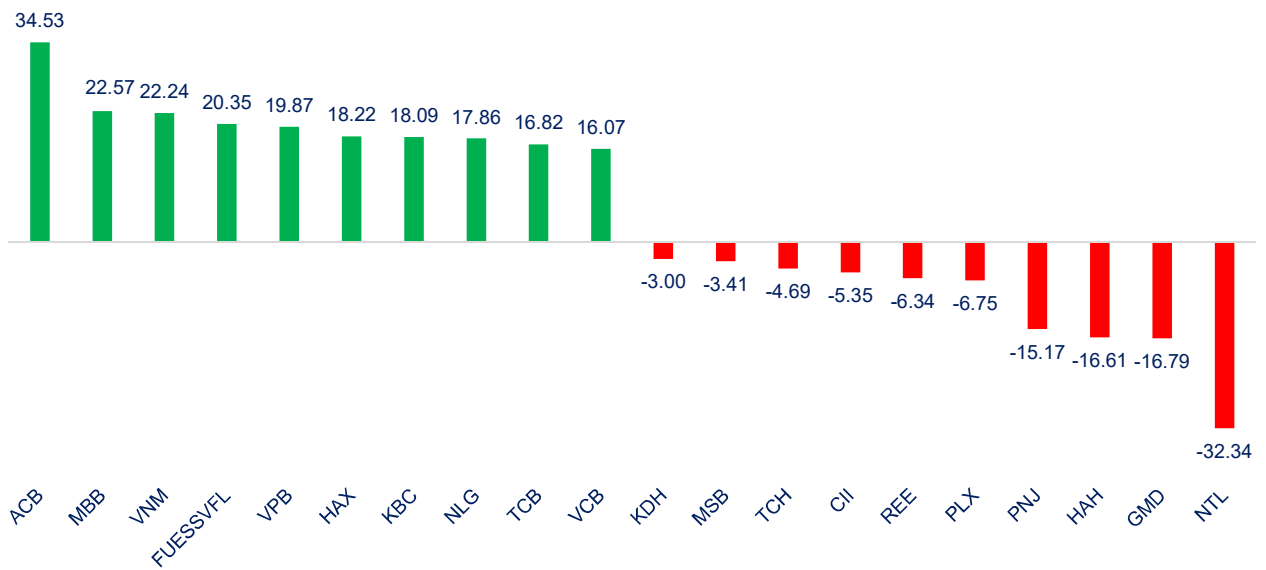


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---